

BẢNG ĐIỂM MÔN HỌC LÝ THUYẾT

Môn học: **ATLD & VSCN** Số tiết: **30** Lớp: **5TCN-LDI** Số cột kiểm tra tối thiểu
HỌC KỲ: **I** NĂM HỌC: **2015 - 2016** **2**

TT	MSHS	Họ tên học sinh	Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)						Điểm TB	Số tiết vắng	Xét điều kiện dự thi	Điểm kiểm tra KTMH (Hệ số 3)	Điểm tổng kết MH	Đánh Giá MH
1	15000067	Hà Gia Ân	10	5					7.5	2		7.6	7.5	ĐẠT
2	15000262	Lê Quốc Anh	9	5					7	2		6.0	6.6	ĐẠT
3	15000234	Nguyễn Xuân Tuấn	10	5					7.5	2		5.6	6.7	ĐẠT
4	15001370	Đình Ngọc Bảo	0	0					0	30	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
5	15000382	Nguyễn Anh Bảo	5	6					5.5	6		5.2	5.4	ĐẠT
6	15001483	Nguyễn Văn Đại	10	3					6.5	0		6.8	6.6	ĐẠT
7	15000033	Trần Quốc Đại	10	8					9	0		7.6	8.4	ĐẠT
8	15000279	Dương Tiến Đạt	0	0					0	24	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
9	15000051	Hồ Ngọc Đạt	10	8					9	0		7.2	8.2	ĐẠT
10	15000154	Liêu Hoàng Tấn Đạt	9	6					7.5	2		4.8	6.3	ĐẠT
11	15000145	Bùi Hải Đức	10	7					8.5	0		6.8	7.8	ĐẠT
12	15001820	Nguyễn Trọng Đức	10	6					8	0		6.4	7.3	ĐẠT
13	15000022	Nguyễn Đức Duy	0	5					2.5	18	Cấm thi	0.0	1.4	KĐẠT
14	15003484	Phạm Hoàng Duy	10	5					7.5	0		7.2	7.4	ĐẠT
15	15001408	Nguyễn Văn Hậu	0	0					0	24	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
16	15000359	Mai Hoàng Huy	0	5					2.5	10	Cấm thi	0.0	1.4	KĐẠT
17	15000636	Nguyễn Hoàng Huy	10	6					8	0		5.6	7.0	ĐẠT
18	15000719	Phan Quốc Huy	10	0					5	0		9.2	6.8	ĐẠT
19	15002911	Nguyễn Nhật Khanh	10	6					8	0		5.6	7.0	ĐẠT
20	15000343	Nguyễn Lê Gia Khánh	0	0					0	10	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
21	15001205	Huỳnh Minh Kiên	0	0					0	28	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
22	15002425	Thân Hữu Kiệt	10	2					6	0		7.2	6.5	ĐẠT
23	15000165	Huỳnh Duy Lâm	10	5					7.5	0		3.6	5.8	ĐẠT
24	15000757	Lê Tấn Lộc	0	0					0	14	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
25	15000177	Phan Hữu Lộc	9	5					7	2		4.4	5.9	ĐẠT
26	15000271	Hoàng Minh Long	9	7					8	2		7.2	7.7	ĐẠT
27	15002989	Nguyễn Đình Mạnh	9	3					6	2		4.8	5.5	ĐẠT
28	15000010	Châu Gia Minh	10	10					10	0		9.2	9.7	ĐẠT
29	15001536	Lê Trung Nhân	10	5					7.5	0		9.2	8.2	ĐẠT
30	15001347	Nguyễn Hoàng Nhật	9	8					8.5	2		6.0	7.4	ĐẠT
31	15002454	Trương Tấn Phát	0	0					0	18	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
32	15001857	Nguyễn Quốc Phi	10	6					8	0		7.2	7.7	ĐẠT
33	15000735	Huỳnh Thanh Phong	0	0					0	14	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
34	15000384	Liu Tuyền Phúc	10	5					7.5	0		4.8	6.3	ĐẠT
35	15000116	Nguyễn Hoàng Phúc	10	0					5	0		4.8	4.9	KĐẠT
36	15000215	Vũ Đỗ Hoàng Phúc	9	5					7	2		7.6	7.3	ĐẠT
37	15000008	Nguyễn Hoàng Phước	5	5					5	6		4.8	4.9	KĐẠT
38	15002742	Võ Văn Phước	0	0					0	18	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
39	15000821	Đình Nhật Quang	7	5					6	4		6.0	6.0	ĐẠT
40	15000797	Lê Quang	10	7					8.5	0		7.6	8.1	ĐẠT
41	15000129	Huỳnh Tấn Tài	0	0					0	28	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
42	15000756	Lê Tấn Tài	0	0					0	28	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
43	15002652	Nguyễn Tấn Tài	0	0					0	28	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
44	15001947	Trần Hữu Tài	0	0					0	28	Cấm thi	0.0	0.0	KĐẠT
45	15003252	Hoàng Quốc Thắng	10	0					5	2		0.0	2.9	KĐẠT
46	15000049	Luân Trí Thiện	9	6					7.5	2		5.6	6.7	ĐẠT
47	15000331	Nguyễn Thanh Tiếng	9	3					6	2		4.8	5.5	ĐẠT
48	15001606	Trần Bách Tùng	10	6					8	0		5.6	7.0	ĐẠT

